

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/DS-PT
Ngày: 19-01-2018
“Tranh chấp về dân sự -
ranh giới quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Bà Lê Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh: Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2017/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2017, về việc “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2017/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C1 bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: **361/2017/QĐ-PT, ngày 15 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:**

- Nguyên đơn: Bà Hồng Thị D, sinh năm 1936;

Địa chỉ: xã Mỹ H1, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền bà D: Anh Trịnh Văn N, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp Thái Q, xã Thái T1, huyện V, tỉnh L1. (Văn bản ủy quyền ngày 16/01/2018).

- Bị đơn: Bà Võ Thị A, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Xã Mỹ H1, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp.

Người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Văn S -là luật sư của Văn phòng luật sư Văn S thuộc Đoàn luật sư Tỉnh Vĩnh L2

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1967;
2. Nguyễn Tiến N2, sinh năm 1990;
3. Nguyễn Trọng N3, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Xã Mỹ H1, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp;

Đại diện theo ủy quyền của ông N1, anh Tiến N2, anh Trọng N3 là bà Võ Thị A, sinh năm 1969; Địa chỉ: Xã Mỹ H1, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền cùng ngày 29/5/2017).

4. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1965;
5. Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1973;
6. Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 1979;

Người đại diện theo ủy quyền **chị Hằng**: Nguyễn Ngọc H3, sinh năm 1981. (Văn bản ủy quyền ngày 27/10/2017).

7. Nguyễn Ngọc H3, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Xã Mỹ H1, huyện C1, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền **chị H3**: Anh Trịnh Văn N, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp Thái Q, xã Thái T1, huyện V, tỉnh L1. (văn bản ủy quyền ngày 16/01/2018).

- *Người kháng cáo:* Bà Hồng Thị D là nguyên đơn;

NỘI D V U Á N

1. Nguyên đơn bà Hồng Thị D trình bày:

Trước năm 1975, cha, mẹ chồng bà D cho chồng bà D là ông Nguyễn Văn B phân đất có diện tích 2.011 m², thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc xã Mỹ H1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Đến năm 1990, ông B chết; năm 1994, bà D được hưởng thừa kế phần đất của ông B, trong quá trình từ khi ông B được nhận đất đến khi giao lại cho bà D sử dụng thì không có đo đạc mà chỉ sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) và bà D sử dụng từ năm 1994 đến nay. Hiện nay đất do **hộ bà H3 Thị D** đứng tên quyền sử dụng. Trên đất bà có đào mương, lên liếp trồng cây lâu năm như xoài, chanh, cam.... Đất có một cạnh giáp phần đất của bà Võ Thị A. Phần đất giữa bà D và bà A có ranh là cái mương lạng do ông B đào sau giải phóng vào khoảng năm 1980. Khi đào có ông Đặng Hoàng L3 cùng đào, ngoài ra còn có ông **T2**, ông H3 và ông H2 là con ông B phụ giúp.

Đất của Võ Thị A trước kia là của ông Võ Văn C2 là cha của bà A đứng tên quyền sử dụng. Sau đó, ông C2 cho lại con trai là ông Võ Văn M và đến năm 2000 ông M đổi đất với bà A. Cùng thời gian này gia đình bà A mới

chuyển về đây xây dựng nhà sinh sống. Trước đó, khoảng năm 2000, bà A xây nhà thì không có chuyện gì xảy ra nhưng vào khoảng tháng 10/2016, bà A tiến hành sửa chữa nói rộng diện tích nhà ở. Lúc này, bà A lấn qua một phần đất là con mương của gia đình bà D đã đào từ năm 1980 để dẫn nước tưới cây trồng. Bà D đã ngăn cản không cho bà A xây dựng và có báo với chính quyền địa phương nhưng chưa được giải quyết. Trong thời gian bà D chờ chính quyền giải quyết thì bà A tiếp tục chiếm hết diện tích con mương của gia đình bà D.

Trong đơn khởi kiện bà D trình bày: yêu cầu Tòa án buộc bà Võ Thị A, ông Nguyễn Hữu N1, ông Nguyễn Tiến N2, ông Nguyễn Trọng N3 phải di dời phần nhà đã lấn chiếm, trả lại cho bà D phần đất là con mương diện tích khoảng 448m² (chiều ngang có hai đầu, một đầu là 03m, đầu còn lại là 04m, chiều dài là 128m) thuộc thửa số 1, tờ bản đồ số 6, tọa lạc xã Mỹ H1, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp. Nhưng sau khi xem lại sơ đồ đo đạc ngày 10/4/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm thì nguyên đơn thay đổi ý kiến, bà D yêu cầu hộ bà A di dời nhà và các vật kiến trúc có trên đất trả lại phần đất lấn chiếm có tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp phần đất bà Võ Thị A (từ mốc 7 đến mốc 19).
- + Hướng Tây giáp phần đất của bà D (từ mốc 8 đến mốc 1).
- + Hướng Nam giáp phần mương lộ (từ mốc 7 - mốc 8);
- + Hướng Bắc giáp phần đất của ông H3 (từ mốc 1 - mốc 19).

Tổng diện tích đất bị bà A lấn chiếm là 177,1 m². Ranh giới quyền sử dụng đất do bà xác định là từ mốc 7 đến mốc 19 theo sơ đồ đo đạc của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện bà D đang giữ bản chính và bà D xác định phần đất của bà được cấp từ mương lộ trở vào đến giáp với ông H3, phần đất từ mương lộ ra đến mương lộ nhựa là của Nhà nước, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cây mù u nằm trên phần đất đang tranh chấp nếu Tòa án xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện thì hộ bà D sẽ tự di dời không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà D thống nhất với sơ đồ đo đạc ngày 10/4/2017 và kết quả định giá tài sản ngày 27/4/2017.

2. Bị đơn bà Võ Thị A trình bày:

Nguồn gốc đất của bà A là do cha, mẹ bà là ông Võ Văn C2 và bà Nguyễn Thị X1 (cả hai người đã chết) có mua một phần đất ruộng tọa lạc xã Mỹ H1, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp mua vào năm 1960 để canh tác.

Đến năm 1998, ông C2, bà X1 có thỏa thuận miệng cho phần đất này lại cho ông Võ Văn M, nhưng ông C2 và bà X1 vẫn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng. Đến khoảng tháng 06/2000, do đất của gia đình bà ở xã Mỹ X2 bị sạt lở nên ông M cũng nói cho miệng cho gia đình bà phần đất tại xã Mỹ H1 để xây nhà. Đến năm 2010, bà A mới đi kê khai và chuyển tên

quyền sử dụng đất từ ông C2 qua cho bà A. Khi UBND huyện C1 cấp giấy có tiến hành đo đạc và những người giáp ranh xung quanh có ký giáp ranh.

Khi bà A tiến hành xây nhà chính vào tháng 6/2000 thì thỉnh thoảng có con bà D là ông T2 và ông H3 có đến tiếp một số ngày công không lấy tiền và cũng không có xảy ra tranh chấp gì với bên bà. Đến ngày 29/01/2010, bà A được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cũng không có xảy ra tranh chấp. Đến ngày 28/9/2016, bà A tiếp tục xây dựng phần nhà tiền chế để mua bán, bà xây dựng phần vách nhà tiền chế giáp với phía bà D từ mốc số 13 xây nối dài ra đến mốc số 8. Khi xây dựng gần hoàn thành nhà tiền chế thì bà D mới ngăn cản và hăm dọa, bà A có báo với chính quyền địa phương để giải quyết, kết quả hòa giải không thành.

Trên phần đất đang tranh chấp gồm có một phần nhà chính xây dựng năm 2000 diện tích 6,1m² (từ mốc 16 - 15 - 14 - 13 - 16); một phần nhà phụ xây dựng năm 2001 có diện tích 05m² (từ mốc 4-3 - 14 - 16 - 4), một cái bồn nước xây dựng năm 2000 diện tích 02m² (từ mốc 17 ngang qua 1,2m - mốc 3 - mốc 4 - mốc 17) một phần nhà tiền chế diện tích 15m² (từ mốc 13 -14- 7- 8 - 13). Đối với một phần nhà tiền chế có diện tích 04m² (từ mốc 8 - 7 - 10 - 9 - 8) bà A xác định là do gia đình bà A xây dựng lấn nương lộ của Nhà nước nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét.

Trước đây, phần đất từ mí nương lộ (mốc 7- mốc 8) đến hết bồn nước (ngay mốc số 17) có con nương chiều ngang 1,5m. Vào năm 2000, bà về đây ở, bà đã lấp con nương này để xây dựng nhà. Con nương này là của gia đình bà, do cha của bà là ông Võ Văn C2 đào nên bà lấp lại. Từ mí bồn nước (mốc 17) kéo dài ra sau khoảng 30m có một cái nương lạng (phần từ mốc 7- mốc 8 đến hết bồn nước hiện nay bà đã xây nhà, từ mí bồn nước kéo dài ra sau khoảng 30m thì nương hiện nay đã cạn) là do ba của bà là ông Võ Văn C2 thuê ông Nguyễn Văn D và ông Đỗ Văn Đ đào để lên liếp trồng cây (hiện ông Nguyễn Văn D đã chết, chỉ còn ông Đỗ Văn Đ).

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà A thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần An B nhưng đến ngày 04/7/2017, bà A đã giải chấp tài sản đảm bảo là thửa đất đang tranh chấp thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 6, tọa lạc xã Mỹ H1, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp và phía Ngân hàng đã bàn giao tài sản trên lại cho bà A. Hiện nay, bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 3, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp 1, xã Mỹ H1, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp bà A đang giữ và bà A xác định phần đất của bà được cấp từ mí nương lộ trở vào đến giáp với ông H3, phần đất từ mí nương lộ ra đến mí lộ nhựa là của Nhà nước, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà A không đồng ý trả lại phần diện tích là 177,1m² (chiều ngang có hai đầu, một đầu là 1,20m, đầu còn lại là 1,92m, chiều dài một bên là 101,22m, một cạnh là 100,94m) thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 6, tọa lạc xã Mỹ H1, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp. Bà A xác định ranh đất của bà từ mốc số 8 đến mốc số 1 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/4/2017 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C1. Ranh giới quyền sử dụng đất, mốc giới

giữa bà với các chủ sử dụng đất giáp ranh các bên tự thống nhất xác định với nhau.

Bà A thống nhất với sơ đồ đo đạc ngày 10/4/2017 và kết quả định giá tài sản ngày 27/4/2017.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Ngọc T3, Nguyễn Ngọc H3, Nguyễn Thanh H2 và Nguyễn Văn T2 trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

* Tại bản án sơ thẩm số 59/2017/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C1 đã xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồng Thị D;

- Ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của hộ bà Hồng Thị D là thửa số 01 với đất của hộ bà Võ Thị A là thửa 03, cùng tờ bản đồ số 6, tại xã Mỹ H1, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp được xác định là các đoạn thẳng nối các mốc từ mốc 8 đến mốc 6 đến mốc 13 đến mốc 16 đến mốc 4 đến mốc 17 đến mốc 22 đến mốc 1 (có mốc gọi là cây xoài).

Các đương sự được quyền sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu cây trồng, vật kiến trúc của bên này lấn qua phần đất của bên kia thì phải tháo dỡ, di dời theo quy định của pháp luật.

Buộc hộ bà Hồng Thị D có nghĩa vụ di dời 01 cây mù u ra khỏi phần đất đang tranh chấp.

Hộ bà Hồng Thị D và hộ bà Võ Thị A có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình theo đúng quy định của pháp luật.

(Theo sơ đồ đo đạc ngày 10/4/2017 và 11/8/2017 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C1).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồng Thị D phải chịu 797.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 05469 ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C1; bà D được nhận lại số tiền 43.000 đồng;

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (chi phí đo đạc) và định giá: Bà Hồng Thị D phải chịu 3.809.600 đồng, số tiền này bà D đã nộp và thanh toán xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 10/10/2017, bà Hồng Thị D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Võ Thị A, ông Nguyễn Tiến N2, ông Nguyễn Hữu N1, ông Nguyễn Trọng N3 phải di dời nhà đã lấn chiếm, trả lại cho hộ gia đình bà D diện tích con mương là 177,1m² theo sơ đồ đo đạc ngày 10/4/2017.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ y quyết định bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Giữ y quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn di dời nhà và các vật kiến trúc khác có trên đất để trả lại phần đất bị lấn chiếm có diện tích theo đo đạc thực tế là 177,1m² nên Tòa sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất, phù hợp với quy định tại khoản 9, điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Phần đất mà hai bên đang có tranh chấp tọa lạc tại xã Mỹ H1, huyện C1 nên Tòa án Huyện C1 thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bên nguyên đơn là bà Hồng Thị D yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm của Tòa án Huyện C1. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết buộc bên bị đơn là bà Võ Thị A và những người chung hộ di dời nhà và các vật kiến trúc khác có trên đất trả lại phần diện tích lấn chiếm là 177,1m² thuộc một phần thửa số 01 tờ bản đồ số 6 do bà D đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về nguồn gốc đất: Phần đất mà hộ bà D (hộ bà D gồm bà Hồng Thị D, ông Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thanh H2, Nguyễn Ngọc T3 và Nguyễn Ngọc H3) và hộ bà Võ Thị A (hộ bà A gồm: bà Võ Thị A, ông Nguyễn Hữu N1, Nguyễn Tiến N2, Nguyễn Trọng N3) đang quản lý, sử dụng, có nguồn gốc là của cha mẹ các bên để lại.

- Về diện tích đất: Trong quá trình sử dụng đất thì hộ bà D và hộ bà A đi kê khai đăng ký và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc kê

khai đăng ký thực hiện đúng trình tự tại thời điểm cấp giấy nhưng không có đo đạc thực tế. Phần đất của bà D đang có tranh chấp thuộc thửa số 1, tờ bản đồ số 6 có diện tích theo giấy chứng nhận là 2.011m² loại đất vườn; giáp ranh với đất của bà D là đất của hộ bà Võ Thị A có diện tích được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 777m² thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 1 loại đất thổ + vườn.

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và bản đồ trích đo khu đất thì phần diện tích đất thực tế mà hai bên đang sử dụng đều thiếu so với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Bởi vì, khi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất các bên đều không được đo đạc thực tế nên không có căn cứ để xác định diện tích bị thiếu của hộ bà D là do bên bà A lấn chiếm, vì diện tích đất của hộ bà A cũng bị thiếu so với diện tích trên giấy chứng nhận.

- Về hiện trạng: Trước khi xảy ra tranh chấp thì phần đất của bên hộ bà D cũng như bên hộ bà A không có mốc giới hay có vật gì để xác định ranh giữa hai bên. Tuy nhiên, vào năm 2000 bên bà A xây dựng nhà chính và xây dựng một cái bồn dùng để chứa nước nằm ngay vị trí ranh đất mà hiện nay bà D đang có tranh chấp và cho rằng phần xây dựng này của bà A trên phần đất thuộc quyền sử dụng của mình nhưng bà D không có tranh chấp, cũng không có báo với chính quyền địa phương để nhằm xác định ranh giữa hai bên. Đến năm 2010 bên bà A tiếp tục làm phần nhà tiền chế cũng lấy từ ranh nhà chính thì bên bà D bắt đầu phát sinh tranh chấp. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà D cho rằng phần đất mà bà A đang sử dụng thuộc quyền sử dụng đất của bà D là không có căn cứ; đồng thời, khi bà A xây dựng nhà chính (xây kiên cố) và các vật kiến trúc khác có trên đất để sử dụng vào năm 2000 mà bà D không có phát sinh tranh chấp nghĩa là bà D mặc nhiên thừa nhận phần ranh giữa bên bà A với bên bà D là từ mí nhà chính và mí bồn nước của bà A. Do đó, việc Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D là hoàn toàn có căn cứ; cần giữ nguyên hiện trạng sử dụng ổn định giữa các bên. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D; giữ y quyết định của bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hồng Thị D nên bà D phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

- Xét lời trình bày và đề nghị của người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là phù hợp nên chấp nhận.

- Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 điều 26, khoản 1 Điều 39, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 203 Luật đất đai; Điều 175 Bộ luật dân sự; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hồng Thị D;

2. Giữ y quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 59/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C1;

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồng Thị D;

- Ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của hộ bà Hồng Thị D (hộ bà D gồm bà Hồng Thị D, ông Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thanh H2, Nguyễn Ngọc T3 và Nguyễn Ngọc H3) tại thửa số 01 với đất của hộ bà Võ Thị A (hộ bà A gồm: bà Võ Thị A, ông Nguyễn Hữu N1, Nguyễn Tiến N2, Nguyễn Trọng N3) tại thửa 03, cùng tờ bản đồ số 6, tại xã Mỹ H1, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp được xác định là các đoạn thẳng nối bởi các mốc (từ mốc 8 đến mốc 6 đến mốc 13 đến mốc 16 đến mốc 4 đến mốc 17 đến mốc 22 đến mốc 1) (trong đó: mốc 1 có mốc giới là mốc cách cây xoài phía bên đất bà D 5,72m).

Các đương sự được quyền sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu cây trồng, vật kiến trúc của bên này lấn qua phần đất của bên kia thì phải tháo dỡ, di dời theo quy định của pháp luật.

Buộc hộ bà Hồng Thị D có nghĩa vụ di dời 01 cây Mù u ra khỏi phần đất đang tranh chấp.

Hộ bà Hồng Thị D và hộ bà Võ Thị A có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình theo đúng quy định của pháp luật.

(Theo sơ đồ đo đạc ngày 10/4/2017 và 11/8/2017 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C1).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồng Thị D phải chịu 797.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 05469 ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C1; bà D được nhận lại số tiền 43.000 đồng;

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (chi phí đo đạc) và định giá: Bà Hồng Thị D phải chịu 3.809.600 đồng, số tiền này bà D đã nộp và thanh toán xong.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Hồng Thị D phải nộp 300.000đ tiền án phí phúc thẩm; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 16134 ngày 11/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H C1;
- Chi cục THADS H. C1;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Võ Trinh